

BẢNG TỔNG HỢP CÂN ĐO CHO TRẺ LẦN I * NĂM HỌC 2024-2025

TT	Tên lớp	Tổng trẻ	Cân nặng						Chiều cao						Thừa cân			
			Bình thường	Tỷ lệ %	SDD vừa	Tỷ lệ %	SDD nặng	Tỷ lệ %	Bình thường	Tỷ lệ %	Thấp còi độ 1	Tỷ lệ %	Thấp còi độ 2	Tỷ lệ %	Béo phì	Tỷ lệ %	Thừa cân	Tỷ lệ %
1	Lớp 5 Tuổi A	34	31	91.2	3	8.8	0	0.0	30	88.2	4	11.8	0	0.0	0	0.0	0	0.0
2	Lớp 5 Tuổi B	35	33	94.3	2	5.7	0	0.0	33	94.3	2	5.7	0	0.0	0	0.0	1	2.9
3	Lớp 5 Tuổi C	35	32	91.4	3	8.6	0	0.0	32	91.4	3	8.6	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Tổng khối 5 tuổi		104	95	91.3	8	7.7	0	0.0	95	91.3	9	8.7	0	0.0	0	0.0	1	1.0
4	Lớp 4 Tuổi A	34	30	88.2	4	11.8	0	0.0	30	88.2	4	11.8	0	0.0	0	0.0	0	0.0
5	Lớp 4 Tuổi B	34	32	94.1	2	5.9	0	0.0	32	94.1	2	5.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0
6	Lớp 4 Tuổi C	32	28	87.5	4	12.5	0	0.0	28	87.5	4	12.5	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Tổng khối 4 tuổi		100	90	90.0	10	10.0	0	0.0	90	90.0	10	10.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
7	Lớp 3 Tuổi A	27	23	85.2	4	14.8	0	0.0	23	85.2	4	14.8	0	0.0	0	0.0	0	0.0
8	Lớp 3 Tuổi B	29	25	86.2	4	13.8	0	0.0	25	86.2	4	13.8	0	0.0	0	0.0	0	0.0
9	Lớp 3 Tuổi C	27	25	92.6	2	7.4	0	0.0	25	92.6	2	7.4	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Tổng khối 3 tuổi		83	73	88.0	10	12.0	0	0.0	73	88.0	10	12.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Cộng MG		287	259	90.2	28	9.8	0	0.0	258	89.9	29	10.1	0	0.0	0	0.0	1	0.3
10	Nhà trẻ A	25	23	92.0	2	8.0	0	0.0	22	88.0	3	12.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
11	Nhà trẻ B	26	25	96.2	1	3.8	0	0.0	25	96.2	1	3.8	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Cộng nhà trẻ		51	48	94.1	3	5.9	0	0.0	47	92.2	4	7.8	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Tổng cộng		338	307	90.8	31	9.2	0	0.0	305	90.2	33	9.8	0	0.0	0	0.0	1	0.3

Hoa Thành ngày 23 tháng 9 năm 2024

Người lập

Phan Thị Hằng

Hiệu trưởng

Lại Thị Hà Ngân